

Biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ tự kỷ 4 – 5 tuổi

Trần Thị Bảo Trân*

*ThS. Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang

Received: 4/3/2024; Accepted: 8/3/2024; Published 18/3/2024

Abstract: In our country, the issue of care and education for autistic children is a very new field. There are not many research projects on autistic children, especially research on the problem Developing communication skills for autistic children.

Keywords: Communication skills, autistic children.

1. Mở đầu

Trong lĩnh vực chăm sóc và giáo dục trẻ tự kỷ (TTK) ở mỗi giai đoạn lứa tuổi đều có nét đặc trưng riêng, giai đoạn 4 – 5 tuổi là thời kỳ quan trọng để giáo viên (GV) tại trường mầm non hoà nhập đưa ra biện pháp tác động nhằm hình thành kỹ năng giao tiếp (KNGT) cho TTK. Tuy nhiên, GV mầm non hạn chế KNGT và tổ chức hoạt động cho TTK, điều này ảnh hưởng nhiều đến kết quả giáo dục. Bên cạnh đó, sự bùng nổ gia tăng số lượng TTK với tỉ lệ đáng kể, ở các trường mầm non hoà nhập đặt ra nhiệm vụ cấp thiết cần nghiên cứu tìm kiếm phương pháp, biện pháp giáo dục cho trẻ, cách thức tác động, giao tiếp (GT) với TTK và phát triển KNGT cho trẻ trong môi trường giáo dục hoà nhập. Vì vậy, bài viết nghiên cứu “Biện pháp phát triển KNGT cho TTK 4 – 5 tuổi” sẽ đi sâu phát triển KNGT cho TTK, góp phần giải quyết những vấn đề bất cập đặt ra trong quá trình giáo dục tại trường mầm non hoà nhập hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm KNGT: KNGT là khả năng sử dụng hợp lý các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, biết cách tổ chức, điều chỉnh quá trình GT nhằm đạt được mục đích GT.

Đối với TTK tập trung tác động dạy cho trẻ một số KNGT chính như: Kỹ năng (KN) tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, hiểu ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ làm nền tảng để phát triển KNGT.

2.2. Mục tiêu phát triển KNGT cho TTK: Mục tiêu phát triển KNGT cho TTK là giúp trẻ hiểu và sử dụng được các KNGT vào giải quyết các tình huống hằng ngày như: tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói, sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để GT với mọi người xung quanh, tạo tiền đề cho sự hình thành và phát triển nhân cách, phát triển KN sống, hòa nhập vào

cuộc sống xã hội.

2.3. Nội dung phát triển KNGT cho TTK: Trong nghiên cứu này, nội dung phát triển KNGT cho TTK bao gồm phát triển các KN cơ bản sau:

- KN tập trung chú ý: Dạy trẻ biết tập trung chú ý vào người, vật hoặc hoạt động, bao gồm nhìn, lắng nghe, có thời gian, suy nghĩ.

- KN bắt chước: Giúp trẻ biết bắt chước các cử động trên mặt, các hoạt động, các hoạt động với đồ chơi/đồ vật, âm thanh. Ban đầu dạy trẻ bắt chước những âm thanh và hành động, sau đó đến bắt chước lời nói, cử chỉ, điệu bộ của người khác.

- KN luân phiên: Giúp trẻ biết luân phiên trong quá trình GT, biết đáp ứng yêu cầu của người khác, lần lượt sử dụng đồ vật, đồ chơi, trả lời câu hỏi.

- KN hiểu ngôn ngữ: Giúp trẻ biết hiểu những chỉ dẫn bằng lời nói và hành động, các tình huống chơi đóng vai đơn giản, thể hiện cảm xúc.

- KN sử dụng lời nói: Giúp trẻ biết sử dụng lời nói vận dụng vào các tình huống GT trong cuộc sống hằng ngày.

Như vậy, để giúp TTK phát triển KNGT cần bắt đầu lựa chọn các KN phù hợp với từng đối tượng trẻ.

2.4. Biện pháp phát triển KNGT cho TTK 4 – 5 tuổi

2.4.1. Biện pháp 1: Đánh giá mức độ GT hiện tại của trẻ

*Mục tiêu: Nhằm quan sát, đánh giá có mục đích để biết xem mức độ GT hiện tại của trẻ là gì? trẻ có nghe hiểu lời nói của người khác không? Trẻ đã biết nói chưa? Trẻ nói được câu chưa? Trẻ có tham gia vào hoạt động hằng ngày với các bạn không?... Cuối cùng để đưa ra kết luận trẻ ở dạng nào? Mức độ nào? Đã có những KNGT nào?... Trên cơ sở đó đề tư vấn cho phụ huynh và đưa ra các biện pháp phát triển KNGT cho trẻ phù hợp.

*Nội dung: Sử dụng các công cụ chẩn đoán như;

Sổ tay chẩn đoán và thống kê các rối nhiễu tâm thần DSM-IV, nghiên cứu hồ sơ thông qua kết quả sàng lọc TTK M - CHAT, bảng đánh giá mức độ tự kỷ (CARS), đánh giá sự phát triển của trẻ theo quyển 8 Small Step...

***Cách tiến hành biện pháp**

- Nghiên cứu tiền sử phát triển của trẻ để biết được trong gia đình trẻ có ai bị hội chứng này không? Mẹ mang thai có bình thường không? Cha mẹ sinh con là tự nguyện hay do sự cố, sự ép buộc của gia đình. Khi mang thai thì sức khỏe và dinh dưỡng của người mẹ ra sao? Gia đình thấy cháu có những khó khăn gì, đã làm gì để đối phó với các khó khăn đó, các khó khăn trong quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ là gì?...

- Nghiên cứu hồ sơ của trẻ thông qua kết quả dùng bảng kiểm MCHAT để sàng lọc TTK, xem có bị tự kỷ (TK) hay không, trẻ bị bao nhiêu phần trăm và ở các tiêu chí nào?. Để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch can thiệp để phát triển KNGT cho trẻ.

- Sử dụng sổ tay chẩn đoán và thống kê các rối nhiễu tâm thần DSM-IV để xác định xem trẻ có bị TK không, làm cơ sở cho đánh giá sâu.

- Dùng bảng đánh giá mức độ tự kỷ CARS kiểm tra trực tiếp trên trẻ để xác định mức độ TK của trẻ xem trẻ bị mức độ nhẹ hay nặng.

- Sử dụng thang đánh giá Quyển 8 Chương trình Small Step để đánh giá sự phát triển thực của trẻ ở các lĩnh vực.

*** Điều kiện thực hiện**

- Mỗi TTK đều có những đặc điểm khác nhau về tất cả các khía cạnh như: sức khỏe, vận động tinh, vận động thô, ngôn ngữ, GT, nhận thức, KN xã hội, hành vi. Do vậy khi tiến hành biện pháp phát triển KNGT cho trẻ cần phải đánh giá mức độ chức năng hiện tại của trẻ để tìm ra cách tác động phù hợp và tốt nhất đối với trẻ.

- Trong quá trình đánh giá phải có công cụ đánh giá. Đánh giá trong quá trình trẻ hợp tác với GV.

- Để có kết quả đánh giá tốt và khách quan thì người đánh giá nên chuẩn bị địa điểm, công cụ, thời gian, tâm lý đánh giá phù hợp.

- Cần đánh giá một cách cẩn thận mới đi đến kết luận, không nên đánh giá vội vàng.

- Khi đưa ra kết luận về kết quả đánh giá nên tư vấn phụ huynh đưa ra các hướng giải quyết để giúp phụ huynh định hướng lựa chọn một cách tốt nhất để can thiệp và chăm sóc, giáo dục trẻ.

2.4.2. Biện pháp 2: Xây dựng kế hoạch phát triển KNGT

***Mục tiêu:** Xây dựng kế hoạch phát triển KNGT cho TTK để đề ra mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu dài hạn, đề ra những phương pháp và cách thức tiến hành, người tham gia thực hiện mục tiêu phát triển KNGT cho TTK. Nhằm xây dựng môi trường sinh hoạt ổn định, tạo cho trẻ cảm giác trật tự và ít có sự xáo trộn trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của trẻ ở trong gia đình và lớp học.

***Nội dung:** Kế hoạch phát triển KNGT cho TTK cần thể hiện đơn giản, dễ hiểu. Kế hoạch thể hiện mục tiêu ngắn hạn, mục tiêu dài hạn và cụ thể các hoạt động trong một ngày. Nội dung của kế hoạch bao gồm: Mục tiêu; hoạt động; phương pháp, cách tiến hành; đồ dùng, phương tiện cần có; tiêu chí đánh giá; chữ ký của GV, phụ huynh, nhà trường.

***Cách tiến hành**

- Khi xây dựng kế hoạch cần phải căn cứ vào khả năng và đặc điểm của trẻ cũng như khả năng của GV.

- Căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xác định mục tiêu ưu tiên trong quá trình xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân. Mục tiêu nào là quan trọng và cần thiết thì ưu tiên trước.

- Kế hoạch phải rõ ràng, không tối nghĩa và không mang quá nhiều thông tin. Sắp xếp các biểu tượng thể hiện các hoạt động chính của kế hoạch theo dãy từ trên xuống dưới hoặc từ trái sang phải trên cùng một tấm bảng bằng bìa hoặc bằng gỗ. Khi xây dựng kế hoạch phát triển KNGT cho TTK cần làm rõ xem kế hoạch. Đó là kế hoạch năm hay quý, tháng, tuần, ngày. Các hoạt động trong kế hoạch cần được cụ thể hóa, làm rõ thông tin.

- Đối với trẻ thích nhìn hình ảnh, có thể chụp những hình ảnh của chính trẻ đang thực hiện các hoạt động đó để trang trí cho thêm sinh động và giúp trẻ hứng thú tham gia vào quá trình GT và sinh hoạt hằng ngày.

***Điều kiện thực hiện**

- Kế hoạch phát triển KNGT cho trẻ phải được cụ thể ở kế hoạch hoạt động, kế hoạch ngày, kế hoạch tháng, kế hoạch năm và được nhà trường, phụ huynh, GV cùng xây dựng.

- Kế hoạch phát triển KNGT đề ra thời gian biểu rõ ràng, điều đó sẽ có ích cho trẻ trong việc nhận biết các hoạt động trong ngày. Có thời gian biểu trẻ cảm thấy yên tâm và dễ chịu hơn khi nhìn thấy và hiểu nội dung của thời gian biểu.

- Kế hoạch được xây dựng phải có sự trao đổi giữa GV, phụ huynh và nhà trường để cùng đi đến một thống nhất chung trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ.

2.4.3. Biện pháp 3: Sử dụng các kỹ thuật rèn luyện KNGT

*Mục tiêu: Là cách GV áp dụng các kỹ thuật đặc thù trong giáo dục hòa nhập TTK để phát triển KNGT cho TTK.

*Nội dung: Việc áp dụng các kỹ thuật phát triển KNGT cho TTK bao gồm: làm mẫu; nói chậm làm chậm; sử dụng lời nói mẫu; luyện GT mắt – mắt; sử dụng hệ thống hệ thống GT thông qua trao đổi thẻ tranh PECS, can thiệp phát triển mối quan hệ RDI.

*Cách tiến hành từng kỹ thuật

- Làm mẫu: Khi làm mẫu GV cần kết hợp sử dụng GT tổng thể như: nói to, rõ ràng mạch lạc, GV làm mẫu một hay hai, ba lần tùy thuộc vào nội dung mà GV dạy trẻ. Thông thường khi dạy cho trẻ bình thường GV sẽ kết hợp làm mẫu và giải thích nhưng với TTK do khó khăn về hiểu ngôn ngữ và khả năng chú ý nên GV hạn chế giải thích chi tiết dài dòng. Khi trẻ đã hiểu thì GV nên kết hợp cùng trẻ thực hiện nhiệm vụ, có thể nói cùng trẻ, hoặc cầm tay trẻ cùng làm sau đó cho trẻ làm và sửa sai.

- Nói chậm, làm chậm: Không riêng gì TTK, bất cứ trẻ nào chậm nói đều gặp phải là do trẻ không hiểu được những danh từ khó. Khi nói chuyện với TTK GV cần tự động điều chỉnh từ ngữ cho đơn giản hơn, lặp đi lặp lại nhiều hơn và lên xuống giọng rõ nét hơn. Để khi trẻ nghe một từ, lời nói nhiều lần thì biết nắm lấy cách phát âm của từ, lời nói và do thính giác của trẻ chưa được thành thạo nên trẻ xếp đặt thông tin chậm, chưa hiểu ngay ra được âm phát ra lần đầu. GV cần nói chậm lại, nhìn vào mặt trẻ, cho trẻ có nhiều thì giờ và cơ hội để nghe đi, nghe lại và nắm được lời nói.

- Sử dụng lời nói mẫu: Sử dụng lời nói mẫu là việc cung cấp các mẫu câu trong những tình huống khác nhau cho TTK. Đây là kỹ thuật đặc biệt quan trọng và có thể sử dụng trong phát triển KNGT cho TTK ở các giai đoạn khác nhau vì trẻ có thể bắt chước cách sử dụng ngôn ngữ của người lớn trong những tình huống thực tế. Sử dụng lời nói mẫu được thể hiện thông qua các kỹ thuật cụ thể như sau:

+ Nói mẫu: là cách GV cho trẻ nói theo nhằm dạy trẻ các từ mới, câu nói ngắn gọn, dễ hiểu, nhấn mạnh ở các từ chủ chốt để cho TTK bắt chước theo.

+ Mở rộng câu nói cho trẻ. Là kỹ thuật sử dụng khi trẻ nói nhưng chưa hoàn thành được câu nói, GV lắng nghe từ trẻ nói, cố gắng hiểu ý mà trẻ muốn diễn đạt và nhắc lại cả câu nói đã được hoàn thành nhưng

ở dạng đơn giản để cho trẻ bắt chước theo và kết hợp duy trì hội thoại làm cho quá trình GT được diễn ra lâu hơn.

+ Nói song song: Đó là kỹ thuật mà trẻ đang làm hoặc nhìn thấy bằng lời nói tự nói về việc đang làm. Khi vốn từ của trẻ đã được phát triển, trẻ đã biết nói theo mẫu câu, GV sử dụng kỹ thuật này giúp trẻ tự nói lên những gì trẻ đang nhìn thấy, đang làm hoặc cảm nhận về một việc mà trẻ đang quan sát. Kỹ thuật tự nói một mình về việc đang làm cũng tạo ra cho trẻ nhiều cơ hội để diễn đạt thành thạo hơn cụm từ, câu. Trẻ sẽ mạnh dạn, tự tin hơn trong quá trình GT. Ở kỹ thuật này GV cần giúp trẻ nói đơn giản, ngắn gọn; nói về điều mà trẻ thấy, đang làm, đang nghĩ.

- Luyện GT mắt – mắt: Một trong các biểu hiện của đặc điểm thu mình là trẻ rất ít GT bằng mắt khi GT với người xung quanh, trẻ thường nhìn xuống hoặc ngoảnh đi chỗ khác khiến trẻ rất khó khăn để hiểu, bắt chước diễn tả các cử chỉ GT phi ngôn ngữ của người khác và việc tiếp thu các KN mới.

- Sử dụng hệ thống GT thông qua trao đổi thẻ tranh PECS (Pictures Exchange Communication System). Thẻ tranh của PECS bao gồm tất cả các hình ảnh về con vật, côn trùng, các loại hoa, quả, rau, củ, phương tiện giao thông, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, trang phục, các nghề trong xã hội, các phòng trong gia đình... để GT với trẻ. Khi sử dụng PECS GT với TTK giúp cho trẻ dễ dàng hình dung ra nội dung GT, hỗ trợ cho việc phát triển KN sử dụng ngôn ngữ cho TTK.

- Động viên, khuyến khích trẻ: Đối với trẻ em nói chung và TTK nói riêng thì động viên, khuyến khích luôn là biện pháp hữu hiệu giúp trẻ em có được nguồn cổ vũ khích lệ để làm tốt vai trò, nhiệm vụ của mình. Trong hầu hết các hoạt động hằng ngày, mỗi trẻ đều thực hiện nhiệm vụ riêng của mình để hoàn thành mục tiêu chung. Lời động viên, khích lệ của GV dành cho TTK sẽ là động lực giúp trẻ hoàn thành nhiệm vụ. Rất nhiều TTK thiếu tự tin trong GT vì vậy nhận được lời động viên trẻ sẽ thấy tự tin hơn khi GT với bạn và trao đổi nhiệm vụ với bạn trong nhóm và thực hiện nhiệm vụ.

*Điều kiện thực hiện: Hướng dẫn cho GV các kỹ thuật phát triển KNGT cho TTK. Khi thực hiện cần áp dụng một cách đồng bộ và linh hoạt các kỹ thuật phát triển KNGT cho TTK như: làm mẫu; nói chậm làm chậm; sử dụng lời nói mẫu; luyện GT mắt – mắt; sử dụng hệ thống hệ thống GT thông qua trao đổi thẻ tranh PECS, can thiệp phát triển mối quan hệ RDI.

Không có một kỹ thuật nào là tối ưu cho TTK. GV cần áp dụng các kỹ thuật trên một cách thường xuyên để trẻ có cơ hội luyện tập, củng cố khắc sâu kiến thức. Khi áp dụng các kỹ thuật trên GV cần phải có đồ dùng, phương tiện phù hợp ở mỗi kỹ thuật. GV luôn phải điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm của từng cá nhân trẻ, không lấy cách làm của trẻ này áp dụng cho trẻ khác.

3. Kết luận

Biện pháp phát triển KNGT cho TTK có sự kết hợp hài hòa giữa các KN tập trung chú ý đến bắt chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ đến KN sử dụng ngôn ngữ trong quá trình GT. Trong đó nhấn mạnh đến yếu tố trẻ sử dụng ngôn ngữ để GT. Các biện pháp tổ chức phát triển KNGT cho TTK 4 – 5 tuổi có mối liên hệ và bổ sung cho nhau trong quá

trình tổ chức phát triển KNGT cho TTK trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non cần được GV vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo phù hợp với điều kiện của lớp và đặc điểm từng cá nhân trẻ.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thanh Bình (2009), *Giáo trình chuyên đề về giáo dục KN sống*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
2. Nguyễn Huy Cận (chủ biên) (1987), *Một số vấn đề của việc nghiên cứu ngôn ngữ trẻ em và việc dạy nói cho trẻ*, (Tài liệu tổng thuật), Viện Thông tin Khoa học xã hội.
3. Nguyễn Văn Đồng (2009), *Tâm lý học GT*, NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Thanh (2014), *Biện pháp phát triển KNGT cho TTK 3-4 tuổi*, Luận án tiến sĩ.

Định hướng ứng dụng chuyển đổi số... (tiếp theo trang 202)

- *Xây dựng cộng đồng học tập trực tuyến*: Tạo ra một môi trường học tập trực tuyến năng động, nơi học viên các lớp trong cùng khóa có thể giao lưu, chia sẻ ý kiến và học hỏi từ nhau. Sử dụng các diễn đàn, nhóm trực tuyến và mạng xã hội giáo dục để khuyến khích sự tương tác và chia sẻ kinh nghiệm về các bài tập vận động, các bài tập bổ trợ giữa học viên với nhau như các công cụ như Google Docs, Google Slides hoặc các nền tảng hợp tác trực tuyến khác.

- *Giao nhiệm vụ và dự án thực tế*: GV cần chủ động tạo cơ hội cho học viên bên cạnh hoàn thành các chương trình học tập trên lớp cần thực hiện các nhiệm vụ và dự án thực tế thông qua môi trường trực tuyến. Điều này giúp kích thích sự tìm tòi của học viên qua việc khai thác thông tin trên môi trường Internet.

- *Khuyến khích phản hồi và đánh giá liên tục*: Xây dựng một môi trường học tập mở, nơi mà học viên có thể chia sẻ ý kiến, đặt câu hỏi và nhận phản hồi từ GV. Cung cấp phản hồi liên tục và đánh giá định kỳ để hỗ trợ sự tiến bộ và tham gia của học sinh. Bởi lẽ thời gian học tập GDTC là có giới hạn, phần lớn thời gian sẽ dành cho việc luyện tập cùng với số lượng học viên của từng lớp học vô cùng đông đảo do đó cần đảm bảo một môi trường học tập mở.

3. Kết luận

Cùng với GDTC truyền thống, GDTC hiện nay gắn với chuyển đổi số cũng đã từng bước bắt nhịp với xu thế chung của mọi mặt đời sống xã hội. Trên đây là nội dung và những định hướng ứng dụng chuyển đổi số trong giảng dạy Bộ môn GDTC tại

trường Đại học CSND. Thông qua hệ thống các định hướng cơ bản trên sẽ góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tạo đà để GDTC trong môi trường Đại học Cảnh sát nhân dân nói riêng và môi trường sư phạm nói chung bứt phá trên tiến trình chuyển đổi số toàn diện hơn ./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 quy định về chương trình môn học GDTC thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học*, Hà Nội.
2. Chính phủ (2017), *Quyết định số 117/QĐ-TTg phê duyệt đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025*. Hà Nội
3. Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. Hà Nội
4. Lê Đức Ngọc (2005), *Giáo dục đại học: Phương pháp dạy và học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Nguyễn Ngọc Tâm (2002), *Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các trường trung học CAND trong thời kỳ mới – Thực trạng và giải pháp*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Tp. Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Văn Thắng (2000), *Giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học của bậc đại học, cao học, nghiên cứu sinh của Trường Đại học An ninh nhân dân*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Tp. Hồ Chí Minh.